

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả chỉ đạo sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản năm 2025; trọng tâm nhiệm vụ năm 2026**

Kính gửi:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Thực hiện Quyết định 1330-QĐ/TU ngày 04/4/2025 của tỉnh ủy Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo tỉnh về sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp. Ban Chỉ đạo tỉnh về sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp Báo cáo kết quả chỉ đạo sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản năm 2025; trọng tâm nhiệm vụ năm 2026. Cụ thể như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Ban chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 02-QĐ/BCĐ ngày 15/5/2025 của Ban Chỉ đạo 598 ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo tỉnh về sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp; Kế hoạch số 02-KH/BCĐ598 ngày 15/5/2025 của Ban Chỉ đạo 598 chỉ đạo sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Chỉ đạo các thành viên ban chỉ đạo thực hiện triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 21/01/2021 về phát triển công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Sơn La giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/01/2021 về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Ban Chỉ đạo 598 tỉnh đã chỉ đạo các ngành thành viên (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch...) phối hợp với UBND các xã, phường triển khai nghiêm túc chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh về đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu nông sản; tham gia, tổ chức các chương trình Hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước...

Tham mưu Ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 04/3/2025 của UBND tỉnh về Xuất khẩu sản phẩm hàng hóa tỉnh Sơn La năm 2025; Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 04/3/2025 của UBND tỉnh về Xúc tiến thương mại và phát triển thương mại điện tử tỉnh Sơn La năm 2025.

Các sở, ngành, các huyện, thành phố (cũ) thuộc thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, chế biến, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm nông sản năm 2025; rà soát, tổng hợp báo cáo tình hình tiêu thụ, xuất khẩu nông sản hàng tháng theo đúng quy định.

## **II- KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**

### **1. Phát triển diện tích, sản lượng một số loại cây trồng**

Đến hết năm 2025, Tổng diện tích cây trồng đến năm 2025 đạt 334.294 ha, trong đó: cây hàng năm 2025 đạt trên 212.000 ha, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm 122.294 ha, cụ thể:

#### **a) Sản xuất lúa**

Tổng diện tích lúa gieo trồng cả năm đạt 46.798 ha, sản lượng ước đạt 200.473 tấn; so với năm 2024 năng suất tăng 1,4% (0,59 tạ/ha), sản lượng tăng 1,02% (4.190 tấn). So với Kế hoạch diện tích lúa tăng 1,5% (698 ha), sản lượng tăng do diện tích và năng suất cùng tăng.

#### **b) Sản xuất cây ngắn ngày**

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng ngô đạt 76.000 ha tăng 2,2% (1.640 ha) so với năm 2024; sản lượng ước đạt 351.880 tấn tăng 3,53% (11.989 tấn) chủ yếu do diện tích tăng. So với Kế hoạch diện tích ngô tăng 5,55% (4.000 ha), sản lượng ngô tăng 14,24% (43.878 tấn).

- Cây sắn: Diện tích gieo trồng đạt 43.114 ha, sản lượng ước đạt 526.420 tấn; so với năm 2024 diện tích giảm 2,4% (giảm 1.062 ha), sản lượng giảm 2,63% (14.203 tấn). So với Kế hoạch diện tích tăng 1,44% (614 ha), sản lượng tăng 0,37% (1.940 tấn).

- Cây đậu tương: Gieo trồng được 403 ha, sản lượng thu hoạch đạt 483 471 tấn; so với năm 2024, diện tích giảm 6,71% (29 ha), sản lượng tăng 2,54% (12 tấn). So với Kế hoạch diện tích tăng 3,33% (13 ha), sản lượng tăng 2,99% (14 tấn).

- Cây mía: Diện tích gieo trồng đạt 9.961 ha, sản lượng đạt 652.744 tấn; so với năm 2024 diện tích giảm 1,73% (175 ha), sản lượng giảm 1,71% (11.352 tấn). So với Kế hoạch diện tích giảm 4,54% (474 ha), sản lượng giảm 6,86% (48.062 tấn).

- Rau các loại: Diện tích sơ bộ đạt 12.850 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 192.097 tấn; so với năm 2024 diện tích tăng 1,42% (180 ha), sản lượng tăng 2,77% (5.179 tấn). So với Kế hoạch diện tích giảm 1,15% (150 ha), sản lượng tăng 1,64% (3.097 tấn).

#### **c) Diện tích, sản lượng cây ăn quả và cây sơn tra**

- Tổng diện tích cây ăn quả và cây sơn tra năm 2025 đạt 85.050 ha, tổng sản lượng đã thu hoạch 526.111 tấn. So với năm 2024, diện tích tăng 2,73% (2.257 ha), sản lượng tăng 34,47% (134.855 tấn), sản lượng cây ăn quả tăng do điều kiện

thời tiết năm nay thuận lợi, cây ra hoa và đậu quả tốt, đồng thời diện tích cho sản phẩm cây ăn quả tăng so với năm trước, công tác chăm sóc, thâm canh được người dân chú trọng hơn, đặc biệt trong việc áp dụng kỹ thuật canh tác mới và phòng trừ sâu bệnh đúng thời điểm. Diện tích, năng suất, sản lượng một số loại cây ăn quả chủ yếu như sau:

+ Xoài: 19.600 ha (16.405 ha cho sản phẩm), sản lượng 109.587 tấn; giá bán trung bình 6 nghìn đồng/kg; giá trị 782,885 tỷ đồng.

+ Nhãn: 19.800 ha (17.280 ha cho sản phẩm), sản lượng 161.5224 tấn; giá bán trung bình 10 nghìn đồng/kg; giá trị 1.550,452 tỷ đồng.

+ Mận: 14.550 ha (11120 ha cho sản phẩm), sản lượng 100.000 tấn; giá bán trung bình 10 nghìn đồng/kg; giá trị 997,282 tỷ đồng.

+ Chuối: 6.200 ha (5.840 ha cho sản phẩm), sản lượng 63.000 tấn; giá bán trung bình 4 nghìn đồng/kg; giá trị 232,518 tỷ đồng.

+ Chanh leo: 400 ha (354 ha cho sản phẩm), sản lượng 3.500 tấn; giá bán trung bình 11 nghìn đồng/kg; giá trị 40,194 tỷ đồng.

+ Thanh long: 435 ha (290 ha cho sản phẩm), sản lượng 2.400 tấn; giá bán trung bình 11 nghìn đồng/kg; giá trị 27,248 tỷ đồng.

#### d) Kết quả sản xuất đối với cây công nghiệp lâu năm

Diện tích cây công nghiệp lâu năm: 37.468 ha; so với năm 2024 diện tích tăng 8,83% (3.039 ha), So với Kế hoạch diện tích tăng 8,85% (3.046 ha), chủ yếu tăng diện tích trồng cà phê, một số cây chủ yếu:

- Cây cà phê: Diện tích 26.120 ha, sản lượng ước đạt 37.724 tấn nhân; so với năm 2024 diện tích tăng 12,05% (2.808 ha), sản lượng tăng 33,97% (9.569 tấn); so với Kế hoạch diện tích tăng 13,07% (3.020 ha), sản lượng tăng 2,88% (1.055 tấn); nguyên nhân diện tích cà phê tiếp tục có xu hướng tăng do giá cà phê tăng rất cao so với cùng kỳ năm trước do biến động của giá cà phê thế giới nên năm 2025 thị trường thu mua quả tươi cao đột biến hơn, từ đầu mùa mức giá giao động từ 18.000 - 20.000 đ/kg quả tươi (thời điểm cuối mùa giá lên đến 32.000 - 35.000đ/kg).

- Cây chè: Diện tích 6.132 ha, sản lượng ước đạt 56.182 tấn; so với năm 2024 diện tích tăng 3,91% (231 ha), sản lượng tăng 5,39% (2.875 tấn). So với Kế hoạch diện tích tăng 0,52% (32 ha), sản lượng giảm 7,3% (4.417 tấn).

- Cây cao su: Diện tích 5.216 ha, sản lượng ước đạt 4.277 tấn; so với năm 2024 diện tích bằng 100% sản lượng tăng 18,8 % (677 tấn); So với Kế hoạch diện tích giảm 0,11% (6 ha), sản lượng tăng 3,76% (155 tấn). Sản lượng tăng do năm nay thời tiết thuận lợi sản lượng thu hoạch sớm trước 1 tháng, cây ít bị bệnh phấn trắng.

## **2. Công tác quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói**

- Quản lý mã số vùng trồng: Tiếp tục duy trì quản lý duy trì 216 mã số vùng trồng gồm: 200 mã số vùng trồng xuất khẩu tổng diện tích là 2654,85 ha; 16 mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt tổng diện 179,07 ha, cụ thể:

+ Trong 200 mã số vùng trồng xuất có 108 mã số xuất khẩu sang Trung Quốc; 33 mã số xuất khẩu sang Hoa Kỳ; 41 mã số xuất khẩu sang Úc; 09 mã số xuất khẩu sang Newziland; 03 mã số xuất khẩu sang EU; 03 mã số xuất khẩu sang các thị trường khác. Tổng số các loại cây trồng được cấp mã số xuất khẩu: Xoài 67 mã số, nhãn 110 mã số, chuối 15 mã số, mận 05 mã số, mắc ca 01 mã số, thanh long 01 mã số, chanh leo 01 mã số.

+ Trong 16 mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt gồm: Mận 02 mã số, nhãn 02 mã số, xoài 04 mã số, cà phê 01 mã số, rau và dâu tây 04 mã số, lúa 01 mã số, măng tre bát độ 02 mã số.

- Mã số cơ sở đóng gói nông sản đang duy trì 08 mã số: Chiềng Sinh 04 mã số, xã Mai Sơn 01 mã số, xã Yên Châu 01 mã số, phường Mộc Châu 01, phường Vân Sơn 01 mã số. Các sản phẩm đóng gói gồm nhãn, xoài, mắc ca, chanh leo.

- Năm 2025, thực hiện giám sát 214 mã số vùng trồng, gồm: 200 mã số vùng trồng xuất khẩu; 14 mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt. Kết quả giám sát: 214 mã số vùng trồng đủ điều kiện tiếp tục duy trì.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá 02 vùng trồng xoài đề nghị cấp mã số xuất khẩu gồm: 01 vùng trồng xoài đề nghị cấp mã số xuất khẩu đi thị trường Trung Quốc, diện tích 15 ha; 01 vùng trồng xoài đề nghị cấp mã số xuất khẩu đi thị trường Hàn Quốc, diện tích 10 ha. Kết quả 02 vùng trồng đáp ứng các quy định và yêu cầu của nước nhập khẩu, đã gửi Báo cáo số 40/BC-TTBVTV ngày 15/01/2025 đề nghị Cục Bảo vệ thực vật xem xét phê duyệt mã.

- Thông báo uỷ quyền sử dụng mã số của các tổ chức, cá nhân quản lý mã số vùng trồng, báo cáo Cục Bảo vệ thực vật về uỷ quyền sử dụng mã số vùng trồng xuất khẩu đối với 05 mã số vùng trồng (02 mã số xoài, 01 mã số chuối, 02 mã số vùng trồng mận) và 01 mã số cơ sở đóng gói nông sản xuất khẩu.

- Tiếp nhận 05 hồ sơ đề nghị mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt. Kết quả 05 vùng trồng đáp ứng các quy định và yêu cầu, đã tham mưu Sở cấp Giấy xác nhận cấp mã số vùng trồng theo quy định.

## **3. Công tác xây dựng, duy trì và phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm, thủy sản an toàn**

- Toàn tỉnh hiện có 262 chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản an toàn đang duy trì hoạt động, trong đó: 37 chuỗi rau an toàn, diện tích 331 ha, sản lượng 13.799 tấn/năm; 160 chuỗi quả an toàn (xoài, nhãn, mận, chanh leo, bơ, cam, bưởi, dâu tây, thanh long...) diện tích 3.692 ha, sản lượng 43.275 tấn/năm; 05 chuỗi cà phê diện tích 2.166 ha, sản lượng 4.586 tấn/năm; 11 chuỗi chè diện tích 564 ha,

sản lượng 7.609 tấn/năm; 03 chuỗi gạo diện tích 140 ha, sản lượng 1.960 tấn/năm; 03 chuỗi lợn thịt quy mô 75.5000 con, sản lượng 542.400 tấn/năm; 03 chuỗi thịt gà an toàn quy mô 62.500 con, sản lượng 80 tấn/năm; 05 chuỗi mật ong an toàn với số lượng 7.100 đàn ong, sản lượng 368 tấn/năm; 15 chuỗi thủy sản nuôi 2.052 lồng bè trên lồng hồ thủy điện Sơn La, sản lượng 1.121 tấn/năm; 14 chuỗi chế biến nông sản, thủy sản an toàn sản lượng 1.308 tấn/năm; 04 chuỗi thịt hun khói với sản lượng 5 tấn/năm; 01 chuỗi kinh doanh nông sản, sản lượng 80 tấn/năm; 01 chuỗi Đông trùng hạ thảo sản lượng 01 tấn/năm.

- Phối hợp với UBND các xã, phường tổ chức đánh giá hiện trạng các chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản an toàn, nhằm kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý và hỗ trợ phù hợp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các chuỗi.

#### **4. Phát triển thương hiệu sản phẩm nông sản, thủy sản**

- Toàn tỉnh có 31 sản phẩm nông sản được cấp văn bằng bảo hộ, trong đó có 03 sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý: Cà phê Sơn La, chè Shan tuyết Mộc Châu, quả Xoài tròn của huyện Yên Châu (có 02 sản phẩm được bảo hộ tại nước ngoài: Sản phẩm chè Shan tuyết Mộc Châu đã được bảo hộ tại thị trường Thái Lan năm 2017 - đây là sản phẩm nông sản đầu tiên của tỉnh đăng ký bảo hộ thành công tại thị trường nước ngoài; theo cam kết tại hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và liên minh Châu Âu có hiệu lực vào tháng 7 năm 2020, sản phẩm chè Shan Tuyết và sản phẩm xoài tròn Yên Châu được bảo hộ tại thị trường Châu Âu); 26 sản phẩm nông sản được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận: Chè Olong Mộc Châu, Sơn La; Rau an toàn Mộc Châu, Sơn La; Nhãn Sông Mã, Sơn La; Cam Phù Yên, Sơn La; Táo Sơn tra Sơn La; Bơ Mộc Châu Sơn La; Na Mai Sơn Sơn La; Chè Phổng Lái Thuận Châu Sơn La; Nếp Mường Và Sộp Cộp Sơn La; Chanh leo Sơn La; Mận Sơn La; Rau an toàn Sơn La; Nhãn Sơn La; Bơ Sơn La; Xoài Sơn La; Thanh long Sơn La; Mía tím Sông Mã; Rau an toàn Vân Hồ; cá Tầm Sơn La; cá Sông Đà Sơn La; chuối Yên Châu Sơn La; Gạo Phù Yên; Rượu Hang Chú Bắc Yên; Chè Tà Xùa Bắc Yên; Mắc ca Sơn La; Dừa Sơn La; 02 sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể: Mật ong Sơn La; Khoai sọ Thuận Châu, Sơn La.

- Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) đã thu hút được sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh. Lũy kế đến nay toàn tỉnh có 214 sản phẩm, trong đó: Sản phẩm OCOP đạt 5 sao: 01 sản phẩm; 4 sao: 62 sản phẩm; 3 sao: 151 sản phẩm. Tiêu biểu có các sản phẩm: Cà phê bột nguyên chất, Trà vỏ cà phê; Chè Trọng Nguyên; Trà Xanh mây; Trà Sencha; Nấm linh chi; Cao sâm Ngọc Linh; Chè shan đặc biệt; Hồng trà Vân Hồ; Hồng giòn sấy dẻo; Gạo nếp tan Ngọc Chiến; Miến tươi Mộc Châu,...; Việc xây dựng các sản phẩm OCOP đã tạo sức bật cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong tỉnh, phát huy tính sáng tạo của nông dân hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, tiêu thụ, đồng thời thúc đẩy quá trình thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

## **5. Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ các nhà máy, cơ sở chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh**

Các doanh nghiệp chế biến lớn như Doveco, Nafoods, IC Food, HTX Quyết Thanh Mộc Châu và các cơ sở chế biến long nhãn tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, thu mua nguyên liệu từ vùng nguyên liệu liên kết và hộ nông dân.

- Tổng sản lượng các loại nông sản Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao đã thu mua phục vụ cho Nhà máy chế biến năm 2025 là 46.004 tấn trong đó dứa 4.807 tấn; chanh leo 2.318 tấn; ngô ngọt 8.821 tấn; đậu tương rau 9.083 tấn; rau, củ các loại 2.075 tấn; xoài 18.900 tấn.

- Công ty TNHH IC FOOD Sơn La: Nhà máy đang duy trì hoạt động chế biến các sản phẩm cải bẹ sậy, cải sậy nhiệt, bắp cải sậy, cải ngọt, cà rốt, cải thảo ngâm muối. Năm 2025, công ty đã thu mua, chế biến 2.172,699 tấn rau các loại: bắp cải 593,9 tấn; cải ngọt 619,873 tấn; cải bẹ 57,74 tấn; cà rốt 119,8 tấn, cải thảo 772,756 tấn; tỏi tươi, hành lá 1,5 tấn; hành tây 7,13 tấn..

- Công Ty Cổ Phần Nafoods Tây Bắc: Tiếp tục hoạt động ổn định, sản lượng thu mua và chế biến từ đầu năm đạt khoảng 633 tấn chanh leo; 120 tấn dứa.

## **6. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, VietGAP, hữu cơ...**

- Toàn tỉnh công nhận được 09 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gồm: 01 vùng chè, 01 vùng chăn nuôi bò sữa tại huyện Mộc Châu; 02 vùng cà phê, 01 vùng na, 02 vùng xoài (01 vùng tại huyện Mai Sơn, 01 vùng tại huyện Yên Châu); 01 vùng nhãn tại huyện Yên Châu; 01 vùng mận tại Yên Châu.

- Hệ thống tưới (nhỏ giọt, phun...) tiết kiệm nước đạt 3.209,73 ha (trong đó: cây ăn quả 2170,93 ha; cây công nghiệp 111,25 ha; cây rau 767,55 ha; cây khác 160 ha).

- Nhà lưới, nhà kính, nhà màng đạt 115,45 ha (trong đó: cây ăn quả 5,69 ha; cây rau 95,68 ha; cây khác 14,08 ha).

- Diện tích cây trồng được cấp chứng nhận VietGAP đạt 5.596 ha (trong đó: cây ăn quả 4751,04 ha; cây lương thực 174 ha; cây công nghiệp 421 ha; cây rau 215,55 ha; thảo quả 35 ha).

- Diện tích cà phê được cấp chứng nhận các tổ chức cấp chứng nhận bền vững là 23.448 lượt ha, sản lượng cà phê được chứng nhận trên địa bàn tỉnh ước đạt trên 28.000 tấn cà phê nhân trên năm. Diện tích cà phê được cấp chứng nhận VietGAP là 141 ha.

- Diện tích cây trồng được chứng nhận hữu cơ đạt 264,79 ha đã được cấp chứng nhận hữu cơ (trong đó: cây ăn quả 1,59ha; cây lương thực 150 ha; cây công nghiệp 109,6 ha; cây rau 3,6 ha).

- Diện tích cây trồng theo hướng hữu cơ với diện tích 2.352,13 ha, trong đó lúa 808,43 ha, nhãn 1.000 ha, cà phê 543,7 ha.

### III- HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, TIÊU THỤ, XUẤT KHẨU NÔNG SẢN

#### 1. Công tác xúc tiến thương mại

Chỉ đạo Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, thông tin về tình hình thị trường; tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động chính như sau:

- Tổ chức tuyên truyền về các cam kết hợp tác các biên bản hợp tác quốc tế, các hiệp ước, công ước quốc tế các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên, cũng như các hướng dẫn quy trình và một số điều kiện quy chuẩn xuất khẩu hàng hóa vào thị trường các nước... thông qua nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng tuyên truyền để tranh thủ các thời cơ để phát triển và hạn chế các rủi ro, thách thức khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam nói chung và tỉnh Sơn La nói riêng.

- Duy trì việc trao đổi thông tin với Bộ Công Thương, các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố (đặc biệt các tỉnh có biên giới với Trung Quốc) để nắm bắt, cập nhật thông tin về tình hình thông quan và các chính sách, yêu cầu nhập khẩu hàng hóa của các thị trường có chung đường biên giới với Việt Nam, kịp thời thông báo giúp các HTX của tỉnh biết để điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tránh thiệt hại và giảm bớt chi phí phát sinh có thể xảy ra.

- Phối chặt chẽ với các cơ quan thông tin, truyền thông Trung ương và tỉnh Sơn La (Đài PT-TH tỉnh, Báo Sơn La, VOV, Báo Công Thương...) nhằm phản ánh chính xác, kịp thời về các hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản của tỉnh; Phối hợp với các Hiệp hội, Hội, Liên minh HTX tỉnh... nắm bắt khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh về xúc tiến thương mại, phát triển thương mại điện tử và tiêu thụ các sản phẩm của tỉnh; chủ động tham mưu với UBND tỉnh các nội dung trao đổi, đối thoại với Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh...

- Kết nối, phối hợp với các Tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, siêu thị, chuỗi cửa hàng để đưa các sản phẩm nông sản của địa phương vào các kênh tiêu thụ trên toàn quốc như Go!, Winmart, Co.opmart, Aeon; Đưa sản phẩm quả Dâu tây, Mận hậu Sơn La vào các xuất ăn trên các chuyến bay của Vietnam Airlines; Khâu nối với một số đơn vị xuất khẩu để xuất khẩu sản phẩm nông sản của Sơn La như cà phê, chè, hoa quả sấy, quả tươi đã được xuất khẩu sang các thị trường như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.

*(Chi tiết hoạt động xúc tiến thương mại tại Phụ lục I)*

## **2. Kết quả tiêu thụ cây ăn quả**

Tổng sản lượng cây ăn quả tiêu thụ từ đầu năm tính đến ngày 25/12/2025 đạt 526.111 tấn, giá trị ước đạt 6.071,93 tỷ đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo).*

## **3. Kết quả xuất khẩu nông sản**

- Hoạt động xuất khẩu hàng hóa đạt tốc độ tăng trưởng cao, giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu ước đạt 225,31 triệu USD, trong đó, giá trị hàng hóa nông sản tham gia xuất khẩu ước đạt 218,40 triệu USD tăng 14,69% so với năm 2024.

- Một số sản phẩm nông sản xuất khẩu: Chè 11.050 tấn, giá trị 26,06 triệu USD; cà phê 27.800 tấn, giá trị 112,38 triệu USD; sắn 102.200 tấn, giá trị 38,47 triệu USD; xoài quả tươi 500 tấn, giá trị 0,115 nghìn USD; xoài chế biến 8.850 tấn, giá trị 6,39 triệu USD; long nhãn 4.500 tấn, giá trị 22,27 triệu USD; chanh leo 850 tấn, giá trị 0,972 triệu USD; chuối quả tươi 5.150 tấn, giá trị 1,362 triệu USD; các sản phẩm chế biến khác (dứa, ngô ngọt, rau chân vịt...) 4.970 tấn, giá trị 8,095 triệu USD.

*(Chi tiết có Phụ lục III kèm theo).*

## **IV- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO 598**

### **1. Kết quả đạt được**

- Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo, triển khai kế hoạch và phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các thành viên, các nhiệm vụ được giao một cách đồng bộ, trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đặc thù của tỉnh.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan, thông tin được trao đổi kịp thời, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, phát huy được vai trò và đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các kế hoạch xúc tiến thương mại và thương mại điện tử, đồng thời xây dựng danh mục sản phẩm quan trọng tham gia các chương trình xúc tiến thương mại. Kết quả xuất khẩu nông sản đạt mức tăng trưởng tăng 14,7% về giá trị so với năm trước.

- Các sản phẩm nông sản của tỉnh cơ bản tiêu thụ với giá cả hợp lý với lượng tiêu thụ lớn trong nước, góp phần ổn định, phát triển kinh tế - xã hội. Những nỗ lực số hoá và mở rộng kênh tiêu thụ sản phẩm giúp nông sản Sơn La tiếp cận rộng hơn với người tiêu dùng và thị trường quốc tế.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Diện tích vùng nguyên liệu lớn nhưng còn chưa tập trung, chưa liên vùng, liên khoảnh, gây khó khăn cho việc áp dụng cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và bảo vệ môi trường; tỷ lệ diện tích được cấp mã vùng trồng,

sản xuất áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (*VietGAP, GlobalGAP...*) còn thấp so với tổng diện tích; tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch và chi phí khâu sơ chế, bảo quản, logistics còn cao.

- Năng lực sơ chế, bảo quản sau thu hoạch còn hạn chế; nhiều loại nông sản chủ lực vẫn phụ thuộc vào tiêu thụ tươi, chưa có khả năng chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng. Công suất chế biến của các cơ sở, nhà máy hiện có mới chỉ đáp ứng một phần sản lượng nông sản của tỉnh. Chưa hình thành được các cơ sở bảo quản, đóng gói các sản phẩm quả tươi phục vụ tiêu thụ tại các thị trường khó tính, yêu cầu cao về mẫu mã, chất lượng sản phẩm.

- Một số doanh nghiệp chế biến lớn thiếu nguyên liệu ổn định theo chuỗi liên kết; trong khi nông dân vẫn có tâm lý bán nhỏ lẻ, chưa chủ động ký hợp đồng tiêu thụ dài hạn.

- Thị trường xuất khẩu chưa bền vững, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro khi thị trường này biến động. Việc mở rộng xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như EU, Mỹ còn chậm do hạn chế về khoảng cách địa lý, khó đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Việc tiêu thụ nội địa vẫn phụ thuộc nhiều vào thương lái truyền thống, thiếu tính ổn định và bền vững. Tiêu thụ qua thương mại điện tử, livestream bán hàng tuy có chuyển biến tích cực nhưng mới ở giai đoạn khởi đầu, phạm vi còn hẹp.

- Giá bán một số nông sản tuy tiêu thụ thuận lợi nhưng ở mức thấp hơn kỳ vọng, đặc biệt trong thời điểm chính vụ khi nguồn cung tăng mạnh. Năng lực bảo quản - chế biến chưa đáp ứng yêu cầu, trong khi thiếu hợp đồng tiêu thụ ổn định khiến người dân dễ bị ép giá, ảnh hưởng đến thu nhập và tâm lý sản xuất.

### **3. Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế**

#### **a) Nguyên nhân khách quan**

- Do điều kiện về vị trí địa lý, địa hình chia cắt, hạ tầng kỹ thuật còn thiếu, giao thông không thuận lợi; chi phí, thời gian vận chuyển hàng hóa tới các trung tâm kinh tế, cảng biển, các thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn nên chưa thu hút được các nhà đầu tư.

- Các thị trường nhập khẩu hàng hóa nông sản của Sơn La ngày càng thắt chặt về tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, mẫu mã bao bì, thủ tục kiểm dịch, thông quan, hàng rào kỹ thuật...

- Nguồn lực của Nhà nước và nhân dân còn hạn chế, trong khi đó đầu tư cho chuyển đổi cây trồng, vật nuôi thời gian qua đã được tăng qua hàng năm, tuy nhiên vẫn thấp hơn nhiều so với vị trí, tiềm năng và nhu cầu phát triển nông nghiệp nói chung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ nói riêng.

## b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quyết liệt, toàn diện, chưa sâu sát trong nắm tình hình tại cơ sở; chưa chủ động, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Các hợp tác xã, doanh nghiệp của tỉnh chủ yếu quy mô nhỏ, năng lực tài chính, quản trị còn hạn chế. Một số hợp tác xã nông nghiệp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi do không có tài sản thế chấp.

- Cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao nhất là hệ thống giao thông nội đồng và thủy lợi ở các vùng nguyên liệu.

## V- KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

### 1. Mục tiêu

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng và đa dạng hoá thị trường tiêu thụ, tập trung cho nhóm các sản phẩm nông sản chế biến.

- Tổ chức sản xuất gắn với thị trường, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói và các quy định kỹ thuật của nước nhập khẩu.

- Nâng cao chất lượng, giá trị và thương hiệu nông sản, thúc đẩy chế biến sâu, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản chủ lực.

### 2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, hỗ trợ cung cấp thông tin, công khai các chính sách, kế hoạch, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan, cải thiện môi trường pháp lý, hệ thống tín dụng; đơn giản hóa và rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục trong việc giải tỏa, đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, thủ tục về đăng ký thuế và kê khai thuế.

- Tăng cường hợp tác thúc đẩy mối quan hệ với Đại sứ quán các nước, các tổ chức quốc tế để quảng bá hình ảnh, tiềm năng phát triển nông sản của Sơn La, qua đó kết nối với các địa phương, kêu gọi các cá nhân, tổ chức quốc tế đến tìm hiểu, đầu tư, thu mua xuất khẩu.

- Xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu. Quản lý chặt chẽ quy trình kỹ thuật chăm sóc, thu hái, bảo quản, sơ chế, chế biến nông sản; tăng cường hoạt động giám sát đối với mã số vùng trồng đã cấp cho các doanh nghiệp, hợp tác xã; Quản lý quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn, tăng tỷ lệ diện tích sản xuất được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn tương đương.

- Duy trì, củng cố, mở rộng thị trường truyền thống, trong đó tập trung vào thị trường Trung Quốc với các sản phẩm trái cây tươi; mở rộng, phát triển các thị

trường tiềm năng, thị trường các nước đã ký kết các hiệp định thương mại tự do với Việt Nam như: Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước khu vực EU... tập trung cho nhóm các sản phẩm nông sản chế biến.

- Tăng cường công tác thu hút đầu tư, mời các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, bảo quản các sản phẩm nông sản; phối hợp hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất liên kết với các cơ sở đóng gói, bảo quản và các nhà máy chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô, công suất, cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh.

- Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, hợp tác xã để tăng cường quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm và giảm thiểu các chi phí quảng bá, giới thiệu khác.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu trong nước và nước ngoài; tiếp tục xây dựng chỉ dẫn địa lý những mặt hàng chủ lực; thương hiệu doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm; ứng dụng công nghệ trong sản xuất và đảm bảo tạo ra các sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường với chi phí sản xuất thấp.

- Chú trọng đào tạo, nâng cao kiến thức và kỹ năng cho người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Tăng cường đổi mới sáng tạo trong sản xuất giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và tăng giá trị kinh tế cho ngành nông nghiệp.

Ban Chỉ đạo 598 tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên Ban chỉ đạo theo Quyết định số 1330-QĐ/TU ngày 04/4/2025;
- Báo và PTTH tỉnh; Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, BCĐ.

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO 598**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Nguyễn Thành Công**

**Phụ lục 1**  
**HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NĂM 2025**

Stt	Hoạt động	Nội dung chi tiết
1	Tham gia các chương trình, hội chợ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội chợ mùa Thu lần thứ nhất năm 2025;</li> <li>- Hội chợ OCOP Quảng Ninh - Xuân 2025;</li> <li>- Chiến dịch Tiêu dùng xanh và Lễ hội Mận hậu Sơn La năm 2025 tại thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>- Tuần lễ nông sản và thực phẩm an toàn tỉnh Sơn La tại Hà Nội Tuần lễ Mận năm 2025; Tuần nông sản và thực phẩm an toàn tỉnh Sơn La tại Hải Phòng năm 2025;</li> <li>- Hội chợ xúc tiến thương mại cho nông sản và sản phẩm OCOP khu vực Tây Bắc - Sơn La 2025 gắn với Lễ kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh Sơn La 10/10/1895 - 10/10/2025;</li> <li>- Thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” kết hợp chương trình hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa tỉnh Sơn La năm 2025;</li> <li>- Hội chợ thương mại quốc tế Việt Nam (VIETNAM EXPO) năm 2025 tại Hà Nội;</li> <li>- Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 9 năm 2025 tại tỉnh Đắk Lắk;</li> <li>- “Lễ hội trái cây lần thứ 3 năm 2025” và Chương trình kết nối giao thương tại Tiền Giang;</li> <li>- Sự kiện giới thiệu sản phẩm Ocop gắn với văn hóa các tỉnh Nam Bộ tại Hà Nội;</li> <li>- Hội chợ các sản phẩm OCOP xuất khẩu - VIETNAM OCOPEX FAIR;</li> <li>- Hội chợ làng nghề Việt Nam lần thứ 21, năm 2025; Hội chợ mùa Thu 2025;</li> <li>- Triển lãm Quốc tế Công nghiệp thực phẩm Việt Nam 2025 (Vietnam Foodexpo 2025);</li> <li>- Hội chợ Xúc tiến Thương mại - Kết nối cung cầu khu vực Đồng bằng Bắc Bộ 2025 tại Hưng Yên;</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội chợ thương mại quốc tế Việt - Trung (Lào Cai);</li> <li>- Lễ hội trái cây tỉnh Bắc Ninh năm 2025;</li> <li>- Hội chợ xúc tiến thương mại sản phẩm đặc sản, làng nghề, OCOP tại Khu đô thị Park City, Phường Hà Đông, Hà Nội;</li> <li>- Hội chợ xúc tiến thương mại sản phẩm đặc sản, làng nghề, OCOP tại Chợ đầu mối Nam Hà Nội, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội.</li> </ul>
2	Trung bày sản phẩm tại các sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội nghị tổng kết Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát tại Văn phòng Chính phủ;</li> <li>- Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030;</li> <li>- Đại hội Đại biểu Đảng ủy UBND tỉnh nhiệm kỳ 2025 – 2030;</li> <li>- Đại hội đại biểu Quân khu 2;</li> <li>- Đại hội Đảng bộ quân sự tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030;</li> <li>- Diễn đàn “Thương mại quốc tế trong kỷ nguyên vươn mình: Du lịch bền vững và tiềm năng xuất khẩu nông sản của Sơn La”;</li> <li>- Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trồng cây ăn quả trên đất dốc;</li> <li>- Hội nghị tổng kết các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;</li> <li>- Triển khai hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm Cam Rón Lòi tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV;</li> </ul>
3	Hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức và duy trì gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại thành phố Hồ Chí Minh, TP Hải Phòng;</li> <li>- Chương trình làm việc với Đại sứ quán Đại Hàn Dân Quốc tại Việt Nam;</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết nối, phối hợp với các Tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, siêu thị, chuỗi cửa hàng để đưa các sản phẩm nông sản của địa phương vào các kênh tiêu thụ trên toàn quốc như Go!, Winmart, Co.opmart, Aeon; Đưa sản phẩm quả Dâu tây, Mận hậu Sơn La vào các xuất ăn trên các chuyến bay của Vietnam Airlines; Khâu nối với một số đơn vị xuất khẩu để xuất khẩu sản phẩm nông sản của Sơn La như cà phê, chè, hoa quả sấy, quả tươi đã được xuất khẩu sang các thị trường như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.</li><li>- Xây dựng clip quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, lợi thế danh mục dự án thu hút đầu tư và các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.</li><li>- Chiêu thương, mời các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các chương trình về hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch của trung ương và các tỉnh tổ chức.</li></ul>
--	--	---

**Phụ lục 2**  
**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TIÊU THỤ CÂY ĂN QUẢ NIÊN VỤ 2025**

TT	Sản phẩm	Diện tích (ha)	Diện tích cho thu hoạch (ha)	Sản lượng dự kiến (tấn)	Lũy kế tiêu thụ từ đầu vụ đến kỳ báo ngày 25/12/2025								
					Tổng sản lượng đã tiêu thụ			Tiêu thụ trong nước (quả tươi)		Chế biến		Xuất khẩu	
					Số lượng (Tấn)	Giá trị (Triệu đồng)	Giá bán TB (nghìn đồng/kg)	Số lượng (Tấn)	Giá trị (Triệu Đồng)	Số lượng (Tấn)	Giá trị (Triệu Đồng)	Số lượng (Tấn)	Giá trị (Triệu Đồng)
	<b>Tổng</b>	<b>85.050</b>	<b>67.108,00</b>	<b>510.000,00</b>	<b>526.111</b>	<b>6.071.929</b>	<b>12</b>	<b>443.734</b>	<b>4.194.727</b>	<b>77.575</b>	<b>158.526</b>	<b>4.802,50</b>	<b>42.837,50</b>
1	Cây Sơn tra	9.600	6.583,00	16.000,00	16.000	65.898	4	16.000	65.898	-	-	-	-
2	Cây ăn quả	75.450	60.525,00	494.000,00	510.111	4.756.031	189	427.734	4.128.828	77.575	158.526	4.802,50	42.837,50
2.1	<i>Chuối</i>	<i>6.200</i>	<i>5.840,00</i>	<i>63.000,00</i>	<i>63.000</i>	<i>232.518</i>	<i>4</i>	<i>59.400</i>	<i>210.918</i>	-	-	<i>3.600,00</i>	<i>21.600,00</i>
2.2	<i>Dâu tây</i>	<i>900</i>	<i>900</i>	<i>8.100,00</i>	<i>8.100</i>	<i>500.900</i>	<i>62</i>	<i>8.100</i>	<i>500.900</i>	-	-	-	-
2.3	<i>Mận</i>	<i>14.550</i>	<i>11.120,00</i>	<i>100.000,00</i>	<i>100.000</i>	<i>997.282</i>	<i>10</i>	<i>94.998</i>	<i>979.594</i>	<i>5.000</i>	<i>17.500</i>	<i>2,5</i>	<i>187,5</i>
2.4	<i>Xoài</i>	<i>19.600</i>	<i>16.405,00</i>	<i>100.000,00</i>	<i>109.587</i>	<i>782.885</i>	<i>6</i>	<i>90.102</i>	<i>646.440</i>	<i>18.985</i>	<i>132.900</i>	<i>500</i>	<i>3.550,00</i>
2.5	<i>Nhãn</i>	<i>19.800</i>	<i>17.280,00</i>	<i>155.000,00</i>	<i>161.524</i>	<i>1.550.452</i>	<i>10</i>	<i>97.404</i>	<i>1.124.182</i>	<i>64.120</i>	<i>426,27</i>	-	-
-	Long nhãn			10.000,00	10.000,00	1.250.000,00	125	5.500,00	696.500,00			4.500,00	553.500,00
2.6	<i>Dừa</i>	<i>350</i>	<i>340</i>	<i>3.200,00</i>	<i>3.200</i>	<i>15.120</i>	<i>5</i>	<i>3.200</i>	<i>15.120</i>	-	-	-	-
2.7	<i>Chanh leo</i>	<i>400</i>	<i>354</i>	<i>3.500,00</i>	<i>3.500</i>	<i>40.194</i>	<i>11</i>	<i>2.030</i>	<i>14.994</i>	<i>770</i>	<i>7.700</i>	<i>700</i>	<i>17.500,00</i>
2.8	<i>Thanh long</i>	<i>435</i>	<i>290</i>	<i>2.400,00</i>	<i>2.400</i>	<i>27.248</i>	<i>11</i>	<i>2.400</i>	<i>27.248</i>	-	-	-	-
2.9	<i>Bơ</i>	<i>1.100</i>	<i>752</i>	<i>7.000,00</i>	<i>7.000</i>	<i>78.650</i>	<i>11</i>	<i>7.000</i>	<i>78.650</i>	-	-	-	-
2.10	<i>Cam</i>	<i>2.150</i>	<i>1.423,00</i>	<i>12.600,00</i>	<i>12.600</i>	<i>77.040</i>	<i>6</i>	<i>12.600</i>	<i>77.040</i>	-	-	-	-

**Phụ lục 3**  
**KẾT QUẢ XUẤT KHẨU MẶT HÀNG NÔNG SẢN**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Luỹ kế			
				Năm 2024	Năm 2025	% so với cùng kỳ năm 2024	% so với kế hoạch năm
A	B	C	I	2	3	4=3/2	5=3/1
<b>1</b>	<b>Chè:</b>						
	- Số lượng	Tấn	10.000	8.900,00	11.050,00	124,16	110,50
	- Giá trị	1000 USD	26.000	21.934,16	26.065,03	118,83	100,25
<b>2</b>	<b>Cà phê:</b>						
	- Số lượng	Tấn	34.000	31.700,00	27.800,00	87,70	81,76
	- Giá trị	1000 USD	100.000	88.771,47	112.383,32	126,60	112,38
<b>3</b>	<b>Sản phẩm sắn:</b>						
	- Số lượng	Tấn	102.000	100.000,00	102.200,00	102,20	100,20
	- Giá trị	1000 USD	37.400	36.841,31	38.471,15	104,42	102,86
<b>4</b>	<b>Đường mía:</b>						
	- Số lượng	Tấn	3.500	2.200,00	3.500,00	159,09	100,00
	- Giá trị	1000 USD	1.660	992,19	1.725,62	173,92	103,95
<b>5</b>	<b>Xoài tươi:</b>						

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Luỹ kế			
				Năm 2024	Năm 2025	% so với cùng kỳ năm 2024	% so với kế hoạch năm
	- Số lượng	Tấn	7.600	7.600,00	500,00	6,58	6,58
	- Giá trị	1000 USD	1.870	1.876,54	114,94	6,13	6,15
<b>6</b>	<b>Xoài chế biến ngoài tỉnh</b>						
	- Số lượng	Tấn	3.100	3.100,00	4.400,00	141,94	141,94
	- Giá trị	1000 USD	700	699,59	934,82	133,62	133,55
<b>7</b>	<b>Xoài chế biến trong tỉnh</b>						
	- Số lượng	Tấn	5.700	5.500,00	4.450,00	80,91	78,07
	- Giá trị	1000 USD	7.130	7.049,38	5.458,89	77,44	76,56
<b>8</b>	<b>Long nhãn</b>						
	- Số lượng	Tấn	4.100	4.015,00	4.500,00	112,08	109,76
	- Giá trị	1000 USD	20.600	20.116,72	22.273,65	110,72	108,12
<b>9</b>	<b>Chanh leo</b>						
	- Số lượng	Tấn	2.350	700,00	850,00	121,43	36,17
	- Giá trị	1000 USD	2.440	400,12	972,20	242,98	39,84
<b>10</b>	<b>Chuối</b>						
	- Số lượng	Tấn	8.000	7.200,00	5.150,00	71,53	64,38

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Luỹ kế			
				Năm 2024	Năm 2025	% so với cùng kỳ năm 2024	% so với kế hoạch năm
	- Giá trị	1000 USD	2.400	2.106,29	1.361,68	64,65	56,74
<b>11</b>	<b>- Sản phẩm chế biến khác (Dứa, ngô ngọt, rau chân vịt...) sản xuất trong tỉnh</b>						
	- Số lượng	Tấn	5.300	10.068,00	4.970,00	49,36	93,77
	- Giá trị	1000 USD	7.200	7.002,39	8.095,29	115,61	112,43